| TÒA ÁN NHÂN DÂN<br>THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH | CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM<br>**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc** |
|---|---|

Bản án số: **1425**/2019/HNGĐ-ST
Ngày: 21-10-2019
Về việc tranh chấp ly hôn

**NHÂN DANH**
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Văn Tuấn.

*Các Hội thẩm nhân dân:* Bà Nguyễn Thị Nở.

Bà Lê Thị Nhung.

***- Thư ký phiên tòa:*** Bà Hồ Thị Thu Thảo - Thư ký Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:***

Bà Nguyễn Thị Yến Oanh - Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 10 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình sơ thẩm thụ lý số 305/2018/TLST-HNGĐ ngày 25 tháng 6 năm 2018 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh về việc "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 4090/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 06 tháng 9 năm 2019 và Quyết định hoãn phiên tòa số 7590/2019/QĐ-ST ngày 25 tháng 9 năm 2019; Giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Ông **Đào Ngọc Hoàng A**, sinh năm 1983; địa chỉ: Số X đường D, Phường P, quận Q Thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt. (Có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Bà **Trần Hải V**, sinh năm 1982; Quốc tịch: Canada; địa chỉ: Canada. Vắng mặt.

## NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn ông Đào Ngọc Hoàng A trình bày:*

Ông và bà Trần Hải V quen biết nhau vào tháng 10 năm 2006 thông qua giới thiệu của người thân. Sau một thời gian tìm hiểu, hai người tự nguyện kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số X1 Quyển số X2 ngày 17 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007. Sau khi kết hôn, vợ chồng ông chung sống hạnh

phúc tại Việt Nam, sau đó, bà Trần Hải V trở về Canada, hai người vẫn thường xuyên liên lạc với nhau qua điện thoại. Đến khoảng tháng 6 năm 2008 thì vợ chồng ông phát sinh mâu thuẫn, hai người thường xuyên cãi vã do bất đồng trong cuộc sống. Lâu dần, đôi bên ít liên lạc, đến tháng 01 năm 2009 thì mất liên lạc cho đến nay. Nhận thấy cuộc sống hôn nhân không thể tiếp tục duy trì, ông khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết cho ông được ly hôn để mỗi bên ổn định cuộc sống riêng.

Về con chung: Giữa ông và bà Trần Hải V không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Giữa ông và bà Trần Hải V không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết về tài sản chung.

Đối với bị đơn bà Trần Hải V: Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã tống đạt thông báo thụ lý vụ án, thông báo thời gian và địa điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, phiên tòa xét xử sơ thẩm vụ án thông qua thủ tục ủy thác tư pháp đến Cơ quan có thẩm quyền của Canada, theo địa chỉ của bị đơn do nguyên đơn cung cấp. Đồng thời, yêu cầu bà Trần Hải V có văn bản gửi Tòa án trình bày ý kiến về việc ông Đào Ngọc Hoàng A khởi kiện ly hôn (theo công văn ủy thác tư pháp số 544/UTTPDS-TA30 ngày 14 tháng 8 năm 2018). Theo đó, Cơ quan có thẩm quyền của Canada không thực hiện được ủy thác tư pháp do không có người nhận tại địa chỉ được yêu cầu. Ngày 17 tháng 4 năm 2019, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đã có các công văn xác minh số 1738/TATP-TGĐVNCTN và 1739/TATP-TGĐVNCTN gửi đến Sở Ngoại vụ và Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh để xác minh thông tin địa chỉ mới của bị đơn, do có yêu cầu Tòa án hỗ trợ thu thập chứng cứ của nguyên đơn. Tuy nhiên, nguyên đơn không thể cung cấp địa chỉ mới của bị đơn theo yêu cầu của Tòa án, việc xác minh của Tòa án cũng không có kết quả. Do đó, trên cở sở yêu cầu của nguyên đơn, Tòa án thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở Canada (Theo Thông báo số 4205/TA-TB, các Công văn số 344/TAND-CV và 344a/TAND-CV cùng ngày 13 tháng 6 năm 2019). Đến ngày mở phiên tòa như đã thông báo, bị đơn vắng mặt, không có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Để đảm bảo việc xét xử theo đúng thời hạn luật định và bảo đảm quyền lợi của đương sự khác, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh đưa vụ án ra xét xử theo thủ tục chung.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về việc tuân thủ pháp luật tố tụng dân sự trong việc giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm có nêu: Thẩm phán, các thành viên Hội đồng xét xử sơ thẩm, đương sự trong vụ án đã thực hiện đầy đủ quy định pháp luật về tố tụng dân sự; quan hệ tranh chấp của vụ án đã được xác định đúng, chứng cứ

được thu thập hợp lệ; vụ án có yếu tố nước ngoài, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền; thủ tục ủy thác tư pháp, thủ tục thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Tòa án, Cổng thông tin điện tử của cơ quan đại diện nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ở nước ngoài đã được tiến hành hợp lệ. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa và không có ý kiến phản hồi nên Tòa án giải quyết vụ án theo luật định. Đề xuất về đường lối giải quyết vụ án, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh có ý kiến: Theo trình bày của ông Đào Ngọc Hoàng A thì cuộc sống hôn nhân chỉ hạnh phúc trong thời gian đầu, sau khi bà V trở về Canada sinh sống thì hai người dần mất liên lạc, tình cảm vợ chồng đến nay đã không còn. Cuộc sống hôn nhân giữa ông A và bà V thực tế đã chấm dứt, nguyên đơn có nguyện vọng được ly hôn, do đó đề nghị Hội đồng xét xử sơ thẩm chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông A. Về con chung, tài sản chung và nợ chung nguyên đơn ông Đào Ngọc Hoàng A xác định không có, không yêu cầu nên đề nghị không xem xét.

## NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra chứng cứ công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử sơ thẩm nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ đơn khởi kiện của nguyên đơn, giấy chứng nhận kết hôn; căn cứ lời trình bày của nguyên đơn tại bản tự khai, có cơ sở để xác định đây là vụ án tranh chấp về ly hôn. Bị đơn trong vụ án là bà Trần Hải V, quốc tịch Canada, hiện đang định cư tại Canada; nguyên đơn ông Đào Ngọc Hoàng A cư trú tại Thành phố Hồ Chí Minh. Theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, Điểm c Khoản 1 Điều 40 Bộ luật Tố tụng dân sự, thẩm quyền giải quyết vụ án thuộc Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh.

Trước khi mở phiên tòa xét xử sơ thẩm, nguyên đơn đã có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Bị đơn bà Trần Hải V đã được Tòa án tống đạt hợp lệ thông báo về thời gian và địa điểm mở phiên tòa nhưng vắng mặt không rõ lí do. Xét, yêu cầu và ý kiến của nguyên đơn đã được thể hiện rõ trong bản khai, sự vắng mặt của các bên đương sự không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án. Căn cứ quy định tại Khoản 2 Điều 227, Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 6 Điều 477 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn, bị đơn.

[2] Về quan hệ hôn nhân:

Căn cứ đơn khởi kiện, bản tự khai của nguyên đơn; đơn yêu cầu của bị đơn; Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số X1 Quyển số X2 ngày 17 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007, có cơ sở để xác định quan hệ về hôn nhân giữa ông Đào Ngọc Hoàng

A với bà Trần Hải V được xác lập trên cơ sở tự nguyện và được pháp luật Việt Nam thừa nhận.

Theo trình bày của nguyên đơn thì sau khi kết hôn, hai người chỉ chung sống hạnh phúc trong thời gian đầu, sau đó bà Trần Hải V trở về Canada sinh sống, làm việc; trong thời gian xa cách, vợ chồng chỉ liên lạc với nhau qua điện thoại đến tháng 01 năm 2009. Hiện tại, ông A và bà V không còn chung sống, không liên hệ gì với nhau, ông Đào Ngọc Hoàng A khởi kiện yêu cầu ly hôn bà Trần Hải V để ổn định cuộc sống.

Xét thấy, ở giai đoạn hiện tại, giữa ông Đào Ngọc Hoàng A và bà Trần Hải V đã không còn thực tế chung sống trong một thời gian dài, việc hai người không liên hệ với nhau thể hiện không còn sự quan tâm hay ý định cùng nhau xây dựng gia đình, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể hàn gắn đoàn tụ. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy có cơ sở để giải quyết cho ông Đào Ngọc Hoàng A được ly hôn với bà Trần Hải V như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa.

[3] Về con chung: Nguyên đơn trình bày giữa ông và bà Trần Hải V không có con chung, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn trình bày giữa ông và bà V không có nợ chung, không yêu cầu giải quyết về vấn đề tài sản nên Tòa án không xem xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

## QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ Khoản 1 Điều 28, Khoản 3 Điều 35, Khoản 1 Điều 37, điểm c Khoản 1 Điều 40, Điều 147, Khoản 2 Điều 227; Khoản 1 và 3 Điều 228, Điểm c Khoản 6 Điều 477, Khoản 2 Điều 479 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 19, Khoản 1 Điều 56, Điều 121 và Điều 127 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội khóa 14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

- Áp dụng Luật Thi hành án dân sự.

I. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn ông Đào Ngọc Hoàng A:

1. Về quan hệ hôn nhân:

Ông Đào Ngọc Hoàng A được ly hôn với bà Trần Hải V.

Giấy chứng nhận kết hôn vào sổ đăng ký kết hôn số X1 Quyển số X2 ngày 17 tháng 12 năm 2007 do Ủy ban nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 12 tháng 12 năm 2007 không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Nguyên đơn trình bày không có, không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

II. Án phí dân sự sơ thẩm:

Nguyên đơn ông Đào Ngọc Hoàng A phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, được trừ vào 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tiền tạm ứng án phí đương sự đã nộp theo biên lai thu tiền số X4 ngày 19 tháng 6 năm 2018 của Cục thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh, đương sự đã thi hành xong án phí sơ thẩm.

III. Quyền kháng cáo:

Nguyên đơn ông Đào Ngọc Hoàng A có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết; bị đơn bà Trần Hải V cư trú ở nước ngoài không có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo để được xem xét lại vụ án theo trình tự phúc thẩm trong thời hạn 01 (một) tháng kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ hoặc từ ngày bản án được niêm yết hợp lệ theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được áp dụng theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận:***
- TAND tối cao;
- TAND cấp cao tại Tp. HCM;
- VKSND cấp cao tại Tp. HCM
- VKSND Tp. HCM;
- Cục THADS Tp. HCM;
- UBND Tp. HCM;
- Các đương sự;
- Lưu: VP, HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM**
**THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nguyễn Văn Tuấn**